**Thuyết minh dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

*(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-UBND ngày /10/2023 của UBND tỉnh)*

**I. Đánh giá tình hình thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trong giai đoạn 2020-2022 theo quy định tại Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 của HĐND tỉnh**

Căn cứ Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND). Theo đánh giá của Cục Thuế tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường, mức thu phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND cơ bản phù hợp với tình hình thực tế việc khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh và khả năng nộp phí của các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản.

Tại Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND, HĐND tỉnh quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác 21 loại khoáng sản, tuy nhiên thực tế trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2020-2022 chỉ phát sinh khai thác 11/21 loại khoáng sản (*bao gồm: quặng sắt; quặng vàng; quặng chì, quặng kẽm; đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình; sỏi; đá làm vật liệu xây dựng thông thường; cát vàng; các loại cát khác; đất sét, đất làm gạch, ngói; các loại đất khác; các khoáng sản không kim loại khác*), trong đó có 05 loại khoáng sản khai thác với sản lượng lớn, theo đó phí bảo vệ môi trường thu được từ việc khai thác 05 loại khoáng sản này lớn và tăng dần theo từng năm (*gồm: quặng sắt; quặng vàng; quặng chì, quặng kẽm; đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình; đá làm vật liệu xây dựng thông thường)*. Theo báo cáo của Cục Thuế tỉnh, số thu nộp ngân sách nhà nước từ phí bảo vệ môi trường trong khai thác 11 loại khoáng sản nêu trên trong giai đoạn 2020-2022 như sau:

- Năm 2020: 80.345,159 triệu đồng.

- Năm 2021: 105.223,974 triệu đồng.

- Năm 2022: 89.514,31 triệu đồng.

(*Chi tiết số liệu theo Biểu số 01 kèm theo*)

**II. Thuyết minh về danh mục khoáng sản và mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản tại dự thảo Nghị quyết**

***1. Thuyết minh về danh mục khoáng sản thực hiện thu phí bảo vệ môi trường tại dự thảo Nghị quyết***

Tại Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản (Nghị định số 27/2023/NĐ-CP), Chính phủ quy định 40 loại khoáng sản thực hiện thu phí bảo vệ môi trường khi có phát sinh việc khai thác. Căn cứ vào tình hình thực tế các loại khoáng sản có trữ lượng trên địa bàn tỉnh (nhiều loại khoáng sản trong danh mục khoáng sản tại Nghị định số 27/2023/NĐ-CP điều kiện tự nhiên của tỉnh Bắc Kạn không có trữ lượng), đồng thời trên cơ sở đề xuất của cơ quan thu phí bảo vệ môi trường là Cục Thuế tỉnh, đề xuất của cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực khai thác khoáng sản là Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh đề xuất thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác 27/40 loại khoáng sản theo danh mục khoáng sản quy định tại Nghị định số 27/2023/NĐ-CP để đưa vào dự thảo Nghị quyết, bao gồm:

- 08 loại quặng khoáng sản kim loại: Quặng sắt; quặng măng-gan; quặng vàng (gồm: vàng gốc, vàng sa khoáng); quặng bạch kim, quặng bạc, quặng thiếc; quặng vôn-phờ-ram (wolfram), quặng ăng-ti-moan (antimon); quặng chì, quặng kẽm; quặng đồng, quặng ni-ken (nicken); quặng khoáng sản kim loại khác.

- 19 loại khoáng sản không kim loại: Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình; sỏi; đá block; đá làm vật liệu xây dựng thông thường; đá nung vôi, làm xi măng, làm phụ gia xi măng và làm khoáng chất công nghiệp theo quy định của pháp luật khoáng sản (Serpentin, barit, bentonit); đá làm fluorit; đá hoa trắng làm ốp lát, mỹ nghệ; đá hoa trắng làm bột carbonat; đá granite, gabro, bazan làm ốp lát, mỹ nghệ; cát vàng; các loại cát khác; đất sét, đất làm gạch, ngói; Mi-ca (mica), thạch anh kỹ thuật; Pi-rít (pirite), phốt-pho-rít (phosphorit); thạch anh tinh thể màu tím xanh, vàng lục, da cam, cờ-ri-ô-lít (cryolite), ô-pan (opan) quý màu trắng, đỏ lửa, birusa, nê-phờ-rít (nefrite); cuội, sạn; các loại đất khác; nước khoáng thiên nhiên; các khoáng sản không kim loại khác.

Hiện nay, trong 27 loại khoáng sản nêu trên chỉ có 11/27 loại khoáng sản có phát sinh việc khai thác và thực hiện thu phí bảo vệ môi trường; 16/27 loại khoáng sản trên địa bàn tỉnh có trữ lượng tài nguyên, tuy nhiên chưa phát sinh việc khai thác trong năm 2023, dự kiến sẽ khai thác và thu phí bảo vệ môi trường trong các năm tiếp theo, cụ thể:

- 03 loại khoáng sản đã được khảo sát, đánh giá tài nguyên, gồm: (1) Quặng đồng (xã Liêm Thủy, huyện Na Rì) có tài nguyên khoảng 100.000 tấn quặng; (2) đá granite, gabro, bazan làm ốp lát, mỹ nghệ (xã Vũ Muộn, huyện Bạch Thông) có tài nguyên dự báo khoảng 10 triệu m3; (3) đá nung vôi, làm xi măng, làm phụ gia xi măng và làm khoáng chất công nghiệp (Serpentin, barit, bentonit) có tài nguyên dự báo khoảng 40 triệu m3 (đá vôi xi măng);

- 05 loại khoáng sản đã phê duyệt trữ lượng, gồm: (1) Đá block (đá khối) có trữ lượng khoảng 3 triệu m3; (2) Đá hoa trắng làm ốp lát, mỹ nghệ có trữ lượng khoảng 3 triệu m3; (3) Đá hoa trắng làm bột carbonat có trữ lượng khoảng 19,5 triệu tấn (trong đó: Mỏ đá vôi trắng Nà Hai đã cấp phép khai thác); (4) Mi-ca (mica), thạch anh kỹ thuật tại huyện Ngân Sơn trữ lượng, tài nguyên 976 nghìn tấn; (5) Pi-rít (pirite), phốt-pho-rít (phosphorit) tại huyện Chợ Mới trữ lượng 23,4 nghìn tấn quặng.

- 02 loại khoáng sản mới được phát hiện, chưa dự kiến được trữ lượng tài nguyên, gồm: (1) Đá làm fluorit mới được phát hiện tại huyện Ngân Sơn; (2) Nước khoáng thiên nhiên tại Hòa Mục, Chợ Mới.

- 06 loại khoáng sản là đa kim hoặc là khoáng sản đi kèm khi khai thác khoáng sản chính nên không dự kiến được trữ lượng, gồm: (1) Quặng bạch kim, quặng bạc, quặng thiếc; (2) quặng vôn-phờ-ram (wolfram), quặng ăng-ti-moan (antimon); (3) quặng khoáng sản kim loại khác; (4) thạch anh tinh thể màu tím xanh, vàng lục, da cam, Cờ-ri-ô-lít (cryolite), Ô-pan (opan) quý màu trắng, đỏ lửa, Birusa, Nê-phờ-rít (nefrite); (5) cuội, sạn; (6) Các khoáng sản không kim loại khác.

***2. Thuyết minh về mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác 27 loại khoáng sản tại dự thảo Nghị quyết***

2.1. Các căn cứ đề xuất mức thu phí tại dự thảo Nghị quyết:

- Khung mức thu phí bảo vệ môi trường quy định tại Nghị định số 27/2023/NĐ-CP không thay đổi hay tăng so với khung mức thu phí tại Nghị định số 164/2016/NĐ-CP;

- Tình hình thực tế về trữ lượng các loại khoáng sản trên địa bàn tỉnh: Trữ lượng lớn hay trữ lượng thấp; khoáng sản đa kim; khoáng sản đi kèm;

- Mức độ tác động đến môi trường khi thực hiện hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản;

- Điều kiện khai thác: Mỏ khoáng sản xa hay gần, điều kiện địa hình, giao thông đến địa bàn khai thác có thuận lợi hay không theo đó sẽ ảnh hưởng đến chi phí khai thác;

- Có xem xét đến yếu tố khoáng sản có nằm trong danh mục thu hút, khuyến khích đầu tư hay không;

- Có xem xét đến yếu tố số thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản là một nguồn thu chiếm tỷ trọng tương đối lớn trong tổng số thu ngân sách nhà nước của tỉnh;

- Giá trị và giá trị sử dụng của từng loại khoáng sản;

- Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết, UBND tỉnh có tham khảo một số tỉnh lân cận để đảm bảo mức thu phí đề xuất tại dự thảo Nghị quyết tương đồng với các địa phương khác theo khung mức thu phí tại Nghị định số 27/2023/NĐ-CP. Tuy nhiên, Nghị định số 27/2023/NĐ-CP mới được ban hành và có hiệu lực kể từ ngày 15/7/2023, các địa phương mới chỉ đang trong quá trình nghiên cứu, đánh giá, chưa ban hành quy định cụ thể mức thu phí bảo vệ môi trường theo quy định tại Nghị định số 27/2023/NĐ-CP. Do đó, UBND tỉnh đã tham khảo mức thu phí của một số tỉnh lân cận được xây dựng trên cơ sở Nghị định số 164/2016/NĐ-CP của Chính phủ để đảm bảo tính tương đồng (do 18/27 loại khoáng sản có khung mức thu phí tại Nghị định số 27/2023/NĐ-CP không thay đổi so với Nghị định số 164/2016/NĐ-CP);

(*Chi tiết số liệu so sánh theo Biểu số 03 kèm theo*)

- Tại Nghị định số 164/2016/NĐ-CP, Chính phủ không quy định UBND cấp tỉnh phải ban hành tỷ lệ của từng loại khoáng sản nguyên khai có trong tổng khối lượng khoáng sản nguyên khai chứa nhiều khoáng vật, khoáng chất có ích, do đó trong giai đoạn từ năm 2022 trở về trước, cơ quan thu phí bảo vệ môi trường không có cơ sở để thực hiện thu phí bảo vệ môi trường đối với các loại khoáng sản đi kèm khi khai thác khoáng sản chính. Tuy nhiên, tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 27/2023/NĐ-CP, Chính phủ quy định: “*Căn cứ hàm lượng trung bình của từng loại khoáng sản có trong quặng nguyên khai khai thác và tổng hàm lượng trung bình của các loại khoáng sản có trong quặng nguyên khai khai thác…, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Cục Thuế và các cơ quan liên quan trình Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định tỷ lệ của từng loại khoáng sản nguyên khai có trong tổng khối lượng khoáng sản nguyên khai chứa nhiều khoáng vật, khoáng chất có ích để tính phí bảo vệ môi trường phù hợp với tình hình thực tế của địa phương*”. Theo đó, tại dự thảo Nghị quyết quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với một số loại khoáng sản đi kèm khi khai thác khoáng sản chính. Quy định của UBND tỉnh về tỷ lệ của từng loại khoáng sản nguyên khai và mức thu phí bảo vệ môi trường đối với các loại khoáng sản đi kèm sau khi Nghị quyết được ban hành là cơ sở để Cục Thuế tỉnh, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản thực hiện việc thu, nộp phí bảo vệ môi trường đối với các loại khoáng sản đi kèm, góp phần tăng thu cho ngân sách nhà nước.

2.2. Đề xuất mức thu phí bảo vệ môi trường tại dự thảo Nghị quyết:

a) UBND tỉnh đề xuất giữ nguyên mức thu phí bằng với mức thu phí tại Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND đối với khai thác 13 loại khoáng sản, bao gồm: Quặng sắt; quặng măng-gan; quặng vàng; quặng vôn-phờ-ram, quặng ăng-ti-moan; quặng đồng, quặng ni-ken; quặng khoáng sản kim loại khác; đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình; đá làm vật liệu xây dựng thông thường; đá granite, gabro, bazan làm ốp lát, mỹ nghệ; pi-rít, phốt-pho-rít; các loại đất khác; nước khoáng thiên nhiên; các khoáng sản không kim loại khác.

Lý do đề xuất giữ nguyên mức thu:

- Khung mức thu phí bảo vệ môi trường của 12/13 loại khoáng sản nêu trên tại Nghị định 27/2023/NĐ-CP không thay đổi so với khung mức thu phí bảo vệ môi trường quy định tại Nghị định số 164/2016/NĐ-CP. Riêng khoáng sản Đá làm vật liệu xây dựng thông thường có khung mức thu phí quy định tại Nghị định số 27/2023/NĐ-CP cao hơn 500-2.500 đồng/m3 so với khung mức thu phí quy định tại Nghị định số 164/2016/NĐ-CP, tuy nhiên loại khoáng sản này đang nằm trong danh mục thu hút, khuyến khích đầu tư và là vật liệu chính cho các công trình giao thông trọng điểm trên địa bàn tỉnh; đồng thời sau khi tham khảo mức thu phí của một số tỉnh lân cận, thì hầu hết các tỉnh đều quy định mức thu phí là 3.000 đồng/m3 (như Thái Nguyên, Cao Bằng, Lạng Sơn, Hà Giang), do đó để đảm bảo tính tương đồng với các tỉnh lân cận, UBND tỉnh đề xuất giữ nguyên mức thu phí bằng với mức thu tại Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND là 3.000 đồng/m3.

- Theo đánh giá của Cục Thuế tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường, mức thu phí khi khai thác của 13 loại khoáng sản trên theo mức thu quy định tại Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND cơ bản vẫn phù hợp với tình hình thực tế, khả năng nộp phí của các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản, không có ý kiến phản ánh của các đơn vị, doanh nghiệp, cá nhân liên quan đến mức thu phí.

- Một số loại khoáng sản có hàm lượng khoáng sản trong quặng nguyên khai thấp (như: Quặng sắt; quặng măng-gan; quặng đồng, quặng ni-ken), một số loại là khoáng sản đa kim (Quặng vôn-phờ-ram, quặng ăng-ti-moan) hoặc là khoáng sản đi kèm khi khai thác khoáng sản chính (Quặng khoáng sản kim loại khác), dẫn đến chi phí khai thác, tuyển làm giàu tăng, do đó để khuyến khích các doanh nghiệp khai thác triệt để các thành phần khoáng sản có ích có trong quặng, không đổ ra bãi thải gây lãng phí tài nguyên, góp phần tăng thu ngân sách nhà nước, UBND tỉnh đề xuất không tăng mức thu phí so với Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND.

- Đối với quặng vàng: Hiện nay trên địa bàn tỉnh đang phát sinh khai thác vàng gốc, do việc khai thác vàng gốc được thực hiện liên tục tại các mỏ vàng, do đó mức độ tác động, ảnh hưởng đến môi trường từ việc khai thác vàng gốc là lớn và liên tục. Hơn nữa, vàng là kim loại có giá trị lớn, lợi ích thu về cho các doanh nghiệp từ việc khai thác vàng là rất cao. Mặt khác, đối tượng khai thác là các doanh nghiệp, tổ chức có năng lực về tài chính, do đó đối với vàng gốc, UBND tỉnh đề xuất mức thu phí theo mức tối đa theo khung mức thu phí tại Nghị định số 27/2023/NĐ-CP (bằng mức thu tại Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND) để tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước, góp phần hoàn thành chỉ tiêu thu ngân sách nhà nước hàng năm. Riêng vàng sa khoáng, trên địa bàn tỉnh có trữ lượng, tuy nhiên chưa phát sinh việc khai thác, hơn nữa chi phí tuyển làm giàu cũng cao hơn, do đó UBND tỉnh đề xuất mức thu phí bằng mức tối thiểu theo khung mức thu phí tại Nghị định số 27/2023/NĐ-CP (bằng mức thu tại Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND).

- Mức thu phí bảo vệ môi trường khi khai thác 13 loại khoáng sản trên cơ bản tương đồng với các tỉnh lân cận.

b) UBND tỉnh đề xuất mức thu phí ở mức tối thiểu hoặc trên mức tối thiểu (do làm tròn số) theo khung mức thu phí quy định tại Nghị định số 27/2023/NĐ-CP đối với khai thác 08 loại khoáng sản, gồm: Sỏi; đá block (bao gồm khai thác cả khối lớn đá hoa trắng, granite, gabro, bazan làm ốp lát, mỹ nghệ); đá nung vôi, làm xi măng, làm phụ gia xi măng và làm khoáng chất công nghiệp theo quy định của pháp luật khoáng sản (Serpentin, barit, bentonit); đá làm fluorit; đá hoa trắng làm bột carbonat; cát vàng; các loại cát khác; cuội, sạn.

Lý do đề xuất mức thu:

- 08 loại khoáng sản trên thuộc danh mục thu hút, khuyến khích đầu tư của tỉnh, do đó để các nhà đầu tư quan tâm, đầu tư khai thác, tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước, thì cần quy định mức thu phí bằng mức tối thiểu theo quy định của Trung ương.

- Một số loại khoáng sản mới được phát hiện hoặc được khảo sát, đánh giá tài nguyên, như: Đá làm fluorit mới được phát hiện tại huyện Ngân Sơn; đá hoa trắng làm bột carbonat được phát hiện tại mỏ đá vôi trắng Nà Hai, xã Quảng Khê, huyện Ba Bể; đá nung vôi, làm xi măng, làm phụ gia xi măng và làm khoáng chất công nghiệp được đánh giá tại các mỏ đá vôi trắng của tỉnh.

- Trong 08 loại khoáng sản trên có: 2/8 loại khoáng sản có mức thu giảm so với mức thu quy định tại Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND do Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND quy định mức thu ở mức trung bình (Đá block) hoặc mức tối đa (Các loại cát khác); 3/8 loại khoáng sản có mức thu tăng so với mức thu quy định tại Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND do khung mức thu phí quy định tại Nghị định số 27/2023/NĐ-CP thay đổi tăng so với khung mức thu phí quy định tại Nghị định số 164/2016/NĐ-CP, theo đó mức thu tối thiểu tại Nghị định số 27/2023/NĐ-CP cao hơn mức thu bình quân tại Nghị định số 164/2016/NĐ-CP (gồm: Sỏi; cát vàng; cuội, sạn); 3/8 loại khoáng sản tại Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND chưa quy định mức thu do mới được phát hiện, đánh giá tài nguyên (gồm: Đá làm fluorit; đá nung vôi, làm xi măng, làm phụ gia xi măng và làm khoáng chất công nghiệp; đá hoa trắng làm bột carbonat).

c) UBND tỉnh đề xuất mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác 06 loại khoáng sản còn lại như sau:

- Quặng bạch kim, quặng bạc, quặng thiếc: Đề xuất mức thu phí ở mức bình quân giữa mức thu tối thiểu và mức thu tối đa theo khung mức thu tại Nghị định số 27/2023/NĐ-CP, tương ứng là 220.000 đồng/tấn (làm tròn số). Khoáng sản này có mức thu giảm so với mức thu tại Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND do Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND quy định mức thu phí ở mức tối đa, trong khi khung mức thu phí tại Nghị định số 27/2023/NĐ-CP không thay đổi so với Nghị định số 164/2016/NĐ-CP.

Cơ sở đề xuất: Bạch kim, bạc, thiếc là các khoáng sản đi kèm khi khai thác khoáng sản chính; mặt khác địa bàn khai thác ở các huyện Ngân Sơn, Pác Nặm có địa hình phức tạp, điều kiện đi lại, khai thác khó khăn, dẫn đến chi phí khai thác lớn, do đó để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đầu tư khai thác cần quy định mức thu phí ở mức bình quân giữa mức thu tối thiểu và mức thu tối đa.

- Quặng chì, quặng kẽm: Đề xuất mức thu phí là 250.000 đồng/tấn, cao hơn mức thu phí quy định tại Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND do Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND quy định mức thu phí ở mức bình quân, trong khi khung mức thu phí tại Nghị định số 27/2023/NĐ-CP không thay đổi so với Nghị định số 164/2016/NĐ-CP.

Cơ sở đề xuất: Tại Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND, HĐND tỉnh quy định mức thu phí bảo vệ môi trường khi khai thác quặng chì, quặng kẽm ở mức bình quân giữa mức thu tối thiểu và mức thu tối đa. Tuy nhiên, đây là loại khoáng sản có tổng mức thu phí nộp ngân sách lớn nhất, sau khi tham khảo một số tỉnh lân cận thì phần lớn các tỉnh đều quy định mức thu phí từ 250.000-270.000 đồng/tấn, do đó để tăng thêm nguồn thu cho ngân sách và đảm bảo tính tương đồng với các tỉnh lân cận, UBND tỉnh đề xuất mức thu phí là 250.000 đồng/tấn.

- Đối với 04 loại khoáng sản không kim loại, bao gồm: Đá hoa trắng làm ốp lát, mỹ nghệ; đất sét, đất làm gạch, ngói; mi-ca (mica), thạch anh kỹ thuật; thạch anh tinh thể màu tím xanh, vàng lục, da cam, cờ-ri-ô-lít (cryolite), ô-pan (opan) quý màu trắng, đỏ lửa, birusa, nê-phờ-rít (nefrite): UBND tỉnh đề xuất mức thu phí bảo vệ môi trường ở mức bình quân giữa mức thu tối thiểu và mức thu tối đa theo khung mức thu tại Nghị định số 27/2023/NĐ-CP.

Cơ sở đề xuất mức thu:

- Việc khai thác các loại khoáng sản này trên địa bàn tỉnh diễn ra không thường xuyên, liên tục và được thực hiện rải rác, do đó mức độ tác động, ảnh hưởng đến môi trường từ việc khai thác các loại khoáng sản này không lớn.

- Các loại khoáng sản này có giá trị thấp, chủ yếu làm vật liệu xây dựng thông thường cho các công trình của nhà nước hoặc tư nhân. Có loại là khoáng sản đi kèm khi khai thác khoáng sản chính như Thạch anh tinh thể màu tím xanh, vàng lục, da cam, Cờ-ri-ô-lít (cryolite), Ô-pan (opan) quý màu trắng, đỏ lửa, Birusa, Nê-phờ-rít (nefrite).

- Trong 04 loại khoáng sản trên có: 3/4 loại khoáng sản tại Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND chưa quy định mức thu do mới được phát hiện, đánh giá tài nguyên (gồm: Đá hoa trắng làm ốp lát, mỹ nghệ; mi-ca (mica), thạch anh kỹ thuật; thạch anh tinh thể màu tím xanh, vàng lục, da cam, cờ-ri-ô-lít (cryolite), ô-pan (opan) quý màu trắng, đỏ lửa, birusa, nê-phờ-rít (nefrite)); 1/4 loại khoáng sản có mức thu tăng so với mức thu quy định tại Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND do khung mức thu phí quy định tại Nghị định số 27/2023/NĐ-CP thay đổi tăng so với khung mức thu phí quy định tại Nghị định số 164/2016/NĐ-CP, theo đó mức thu bình quân tại Nghị định số 27/2023/NĐ-CP cao hơn mức thu tối đa tại Nghị định số 164/2016/NĐ-CP (Đất sét, đất làm gạch, ngói).

(*Chi tiết mức thu phí đề xuất theo Biểu số 02 kèm theo*)

2.3. Đề xuất mức thu phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác tận thu khoáng sản bằng 60% mức thu phí của loại khoáng sản tương ứng quy định tại Mục I, II Điều 1 dự thảo Nghị quyết: Việc đề xuất mức thu như trên căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 27/2023/NĐ-CP.

2.4. Về đơn vị tính phí bảo vệ môi trường: Căn cứ đơn vị tính phí bảo vệ môi trường trong Biểu khung mức thu phí tại Nghị định số 27/2023/NĐ-CP và tình hình thực tế, UBND tỉnh đề xuất đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với 27 loại khoáng sản tại dự thảo Nghị quyết theo đơn vị tính quy định tại Nghị định số 27/2023/NĐ-CP.

2.5. Đối với các nội dung khác liên quan đến phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản, như: Đối tượng chịu phí; tổ chức thu phí; người nộp phí; các trường hợp được miễn phí; phương pháp tính phí; kê khai, nộp, quản lý và sử dụng phí thực hiện theo quy định tại Nghị định số 27/2023/NĐ-CP của Chính phủ. UBND tỉnh không đưa các nội dung trên vào dự thảo Nghị quyết do Nghị định số 27/2023/NĐ-CP đã quy định rất rõ, đồng thời Nghị định số 27/2023/NĐ-CP không quy định HĐND tỉnh phải quy định những nội dung này, mà chỉ quy định cụ thể về mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với từng loại khoáng sản áp dụng tại địa phương, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế.

2.6. Tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 27/2023/NĐ-CP có quy định: *“... Chậm nhất đến ngày Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành Nghị quyết về mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải ban hành tỷ lệ của từng loại khoáng sản nguyên khai có trong tổng khối lượng khoáng sản nguyên khai chứa nhiều khoáng vật, khoáng chất có ích để áp dụng tại địa phương*”.

Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng và Cục Thuế tỉnh đã có sự phối hợp chặt chẽ để thống nhất các nội dung trong dự thảo Nghị quyết. Hiện nay, Sở Tài nguyên và Môi trường đang trong quá trình hoàn thiện và tham mưu cho UBND tỉnh ban hành quyết định quy định tỷ lệ của từng loại khoáng sản nguyên khai có trong tổng khối lượng khoáng sản nguyên khai chứa nhiều khoáng vật, khoáng chất có ích để Cục Thuế tỉnh, các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan đến việc thu, nộp phí bảo vệ môi trường khi khai thác khoáng sản có cơ sở thực hiện. UBND tỉnh dự kiến sẽ ban hành Quyết định vào cuối tháng 10/2023, đảm bảo trước thời điểm HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

**3. Về hình thức thu phí.**

Theo báo cáo của Cục Thuế tỉnh, hiện nay công tác thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh được thực hiện bằng phương thức điện tử (trực tuyến) ở tất cả các khâu trong quá trình kê khai, thu, nộp và quản lý phí bảo vệ môi trường. Mọi vướng mắc trong quá trình kê khai, nộp phí của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản đều được cơ quan thuế các cấp tại địa phương (là tổ chức thu phí) xử lý, hướng dẫn lập chứng từ nộp phí trực tuyến trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

Do cơ quan thuế đã triển khai thực hiện toàn bộ quá trình kê khai, thu, nộp phí theo hình thực trực tuyến, nên tại dự thảo Nghị quyết, UBND tỉnh đề xuất không phân tách mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản theo 02 hình thức: trực tuyến và trực tiếp như đối với các khoản phí và lệ phí khác quy định tại Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 19/7/2022 của HĐND tỉnh ban hành Quy định mức thu, miễn, giảm; thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

**III. Thuyết minh số dự kiến giảm thu năm 2023 theo mức thu mới.**

Số thu dự kiến năm 2023 theo mức thu mới là 52.929 triệu đồng, giảm tương đối lớn so với giai đoạn 2020-2022, vì:

- Trong giai đoạn 2020-2022, một số doanh nghiệp khai thác khoáng sản đã thực hiện khai thác vượt sản lượng cho phép theo cấp phép của cấp có thẩm quyền. Sau khi cơ quan chuyên môn kiểm tra đã đề nghị các doanh nghiệp này từ năm 2023 thực hiện khai thác theo đúng sản lượng được cấp có thẩm quyền cấp phép.

- Một số doanh nghiệp khai thác khoáng sản đang trong quá trình chuyển đổi chủ doanh nghiệp hoặc giải thể, do đó trong năm 2023 không dự kiến khối lượng khai thác của những doanh nghiệp này.

Số giảm thu nêu trên sẽ ảnh hưởng đến tổng thu cân đối ngân sách địa phương, đồng thời ảnh hưởng đến công tác quản lý, điều hành chi ngân sách các cấp năm 2023; tuy nhiên, UBND tỉnh đã có văn bản chỉ đạo các địa phương có các phương án xử lý khi thực tế có giảm thu cân đối ngân sách. Việc giảm thu ngân sách không phải do tác động của mức thu phí mới tại dự thảo Nghị quyết, cụ thể: Tất cả các khoản thu hiện tại đang phát sinh số thu thì đều giữ mức thu bằng Nghị quyết 21/2017/NQ-HĐND hoặc đề xuất điều chỉnh ở mức thu cao hơn; các khoản thu tại dự thảo Nghị quyết đề xuất giảm so với Nghị quyết 21/2017/NQ-HĐND thì năm 2023 chưa phát sinh số thu.